TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thụy Trúc Linh

2. Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 511/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HN ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 5/6B LVC, Phường, Thành phố TH, tỉnh PY. Tạm trú: 260/24B, đường BQ, phường, quận BT, thành phố HCM.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 32, ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG, huyện GD. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Phúc L, sinh ngày 02-3-2006, hiện anh đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do chị T đam mê cờ bạc không lo lắng gì cho gia đình nên anh chị thường xuyên cải vã nhau, anh có khuyên và tha thứ nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi tiếp tục cờ bạc từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc và anh chị sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai có gặp nhau 2-3 lần nhưng không ai bàn bạc việc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Anh nhận thấy là một phụ nữ mà không lo lắng vun vén gì được cho gia đình và con cái mà

suốt ngày đam mê cờ bạc nên không thể nào tiếp tục chung sống. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh chị Trần Thị Thu T trình bày*: Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T; giao con chung cho anh T được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; tài sản và nợ chung, anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị T chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh T yêu cầu ly hôn, do chị T đam mê cờ bạc, không chăm lo gì cho gia đình, anh khuyên nhủ nhiều lần mà chị T vẫn không thay đổi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân anh T và chị T không tìm cách bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai và Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị T không có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh Tvà chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Phúc L, sinh ngày 02-3-2006, riêng chị T không ý kiến. Xét thấy, cháu L nguyện vọng sống với anh T và từ ngày anh chị sống ly thân cháu L sống với anh T đã ổn định và được anh trông nom, chăm sóc tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao con chung cho anh Tđược quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị T có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Trần Thị Thu T. Anh T được ly hôn với chị T.

2. Về con chung: Giao cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Phúc L, sinh ngày 02-3-2006. Anh T không yêu cầu nên chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012313 ngày 13-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã CG, số 139/2006;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Vui